

Bản án số: 22/2018/HSST
Ngày: 03 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ngải - Công tác tại Hội nông dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.
2. Ông Thạch Thanh Long - Giáo viên trường tiểu học B, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2018/TLST - HS, ngày 06 tháng 03 năm 2018 đối với:

Bị cáo thứ nhất: Phạm Văn Đ, sinh năm 1968 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp làm vườn; Trình độ học vấn 5/12; Dân tộc kinh; Con ông Phạm Văn L (đã chết) và bà Lê Thị K, sinh năm 1950; Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 1966.

Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị tạm giữ ngày 26/10/2017. Ngày 04/11/2017 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo thứ hai: Phạm Văn M (tên gọi khác Vũ Dương K), sinh năm 1952 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp mua bán; Trình độ học vấn 7/12; Dân tộc kinh; Con ông Phạm Văn G, sinh năm 1927 (đã chết) và bà Phạm Thị P, sinh năm 1931 (đã chết); Vợ Cao Thị T, sinh năm 1969; Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1978.

Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị tạm giữ ngày 26/10/2017. Ngày 04/11/2017 tạm giam cho đến nay.

Người bị hại:

1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1978 (Có mặt)
2. Ông Phạm Anh T, sinh năm 1977 (Vắng mặt có lý do)

Đồng nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, Trà Vinh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Anh T:* Ông Lê Minh N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

3. Ông Trương Thế Huỳnh T, sinh năm 1986 (Có mặt).

4. Bà Nguyễn Thúy D, sinh năm 1987 (Có mặt)

Đồng nơi cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

2. Bà Cao Thị Tươi (tên gọi U K), sinh năm 1967 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Lê Phú N, sinh năm 1972 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

4. Ông Lê Văn P (tên gọi L P), sinh năm 1966 (Vắng mặt không lý do)

Nơi cư trú: Số 56, Công Lý N, Khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:

- 01 (Một) cây dao lưỡi kim loại dài 27,5cm, mũi dao rộng 0,48cm, cán bằng gỗ dài 14 cm, mũi dao bị cong mề;

- 01 (Một) cây kéo bằng kim loại màu đen dài 23 cm;

- 01 (Một) cây dao lưỡi kim loại màu đen dài 26 cm, rộng 0,47cm, cán bằng gỗ tròn dài 15 cm;

- 01 (Một) cây dao lưỡi kim loại màu đen dài 28 cm, rộng 0,58cm, cán gỗ tròn dài 18 cm;

- 01 (Một) cây dao hai lưỡi dài 22 cm, cán gỗ dài 13 cm;

- 01 (Một) ổ khóa loại Zsolex;

- 01 (Một) ổ khóa Italia;

- 01 (Một) ổ khóa bốn cạnh và lưỡi gà;

- 01 (Một) khẩu trang vải màu đỏ có chữ Sunny;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nkia 105, màu đen, loại bàn phím, số serial 353687074177400, bên trong máy có gắn 01 sim Viettel, số thuê bao 01666807623, máy đã qua sử dụng;

- 01 (Một) điện thoại di động màu trắng, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, số thuê bao 01657731867, số IMEL 358805059153288;

- 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 52KB - 3015, nhãn hiệu wave màu đỏ, không bung chắn gió, có 01 kính chiếu hậu bên trái, xe đã qua sử dụng bị trầy xước nhiều nơi. Số khung: VHMDCB 023HM015901, số máy: VHMCT 50016901;

- 01 (Một) gói niêm phong có chữ ký của Phạm Văn Đ và điều tra viên Nguyễn Thái B, bên trong gói niêm phong có: 01 (một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara, trọng lượng 01 chỉ, phía mặt trong có chữ “10 Kim Hải 24k 9999”; 01 (Một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara, trọng lượng 02 chỉ, phía mặt trong có chữ “Kim Hải 9999”;

- Tiền Việt Nam 5.700.000 đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Đ và Phạm Văn M do không có tiền tiêu xài nên rủ nhau đi trộm cắp tài sản và cùng nhau thực hiện 02 vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C và huyện T, tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 31/5/2017 Phạm Văn Đ điện thoại cho Phạm Văn M rủ đi trộm và kêu M chuẩn bị kìm bấm và tua vít đem theo. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Phạm Văn M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71FL - 3883 đến nhà Phạm Văn Đ chở Phạm Văn Đ đi đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh lấy trộm tài sản. Đến khoảng 02 giờ, ngày 01/6/2017, Đ đi đến cửa sau cửa hàng điện thoại di động “ T D ” của Trương Thế Huỳnh T, sinh năm 1986, nơi cư trú: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, thấy cửa sắt loại cửa kéo, Đ dùng tua vít cạy cửa, khi đang cạy thì Đ phát hiện có camera an ninh nên Đ đi ngược ra lấy khẩu trang và găng tay đeo vào. Đ lấy mảnh vải ở cửa che camera lại rồi tiếp tục cạy và mở được cửa. Đ đi vào trong cửa hàng lục tú kính lấy: 36 điện thoại di động của các nhãn hiệu như Oppo, Vivo, Samsung, ITEL, Hotway, Philip, FPT, Fritel, LV 129, Wing, Telogo Wise, HTC; 03 máy tính bảng của các nhãn hiệu Lenovo, Mobel, Huawei; 480 thẻ cào điện thoại của các nhà mạng như Viettel, Mobiphone, Vinaphone và Vietnammobile trong đó các loại thẻ cào có nhiều loại mệnh giá khác nhau với số tiền 10.000 đồng/thẻ cào, 20.000 đồng/thẻ cào, 50.000 đồng/thẻ cào, 100.000 đồng/thẻ cào, và tiền Việt Nam 5.500.000 đồng. Sau khi lấy điện thoại di động, máy tính bảng, thẻ cào điện thoại và tiền bỏ vào túi nilong đi ra khỏi cửa hàng. Đ gọi điện thoại kêu M điều khiển xe đến rước. Khi đến nhà, Đ lấy túi nilong ra đổ lên bàn kiểm tra được 36 chiếc điện thoại di động, 03 máy tính bảng và rất nhiều thẻ cào nạp tiền điện thoại. Đ đưa cho M toàn bộ thẻ cào và 11 điện thoại di động không pin. M bán theo cào Viettel, Mobifone, Vinaphone được 4.200.000 đồng, 11 điện thoại di động và số thẻ cào Vietnammobile không bán được đem trả lại cho Đ và chia cho Đ 2.100.000 đồng. Đối với số điện thoại không chia cho M thì Đ đem bán 05 điện thoại cảm ứng được 6.000.000 đồng, điện thoại và thẻ cào còn lại không bán được Đ ném xuống sông.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 20 giờ, ngày 02/9/2017, Phạm Văn Đ điện thoại cho Phạm Văn M rủ đi trộm và kêu M chuẩn bị kìm bấm và tua vít đem theo. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nouvo chở Đ đi theo tuyến Quốc lộ 60 đến chợ huyện C, tỉnh Trà Vinh. M điều khiển xe rẽ vào đường nhựa dẫn vào chợ. Khi đến cầu tàu cặp mé sông, lúc này khoảng 0 giờ, M dừng xe lại và đưa kìm bấm, tua vít cho Đ. Đ kêu M đi đâu đó đợi khi Đ gọi điện đến rước. M điều khiển xe ra quán nước ngồi đợi. Đ đi bộ quanh khu vực chợ C tìm nhà đột nhập thì phát hiện nhà của Huỳnh Thị H, sinh năm 1978, nơi cư trú khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Lúc này, Đ dùng kìm mang theo cắt lưới B40 chui vào, dùng kìm và tua vít cạy ổ khóa cửa nhưng không được nên Đ đi ra lộ, tìm lối khác để đột nhập thì phát hiện phía sau căn nhà là bãi đất trống có tường rào lưới B40. Đ trèo vào bên trong đi đến cửa sau nhà bà H thì phát hiện cửa không khóa chỉ dùng ổ khóa móc lại bên trong, Đ dùng tua vít đẩy ổ khóa ra khỏi khoen cửa. Lúc này, khoảng 01 giờ ngày 03/9/2017, Đ đeo khẩu trang và bao tay đi vào bên trong nhà thì phát hiện có ngăn tủ bên trái bị khóa, Đ dùng tua vít cạy nhưng không

được. Sau đó, Đ đi ra phía sau nhà bà H lấy kéo và dao cạy ngăn tủ thì phát hiện có nhiều tiền nên Đ đem ngăn tủ đựng tiền ra bãi đất trống phía sau cách nhà bà H khoảng 15 mét. Đ dùng quạt gas có đèn pin phía sau gọi lấy 400.000.000 đồng đã được cột thành cọc bỏ vào túi áo và túi quần. Sau đó, trèo ra khỏi hàng rào kêu M đến rước. Khi về đến nhà Đ chia cho M 66.960.000 đồng, số tiền còn lại Đ giữ. Các dụng cụ kìm bấm, tua vít, găng tay, khẩu trang và quạt gas Đ ném xuống sông ở sau nhà của Đ. Số tiền trộm được Đ mua 02 nhẫn vàng 24 Kra, trọng lượng 03 chỉ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 xe mô tô biển kiểm soát 52KB – 3015 của M bán, số tiền còn lại Đ đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với Phạm Văn M số tiền có được, M cùng vợ là bà Cao Thị T trả nợ 35.000.000 đồng; sửa chữa quán, mua xe mô tô biển kiểm soát 52 KB – 3015 hết 17.000.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết. Xe mô tô dùng để thực hiện trộm đã bán cho nhưng người không rõ địa chỉ.

Tại kết luận định giá tài sản số 36/KL.ĐGTS ngày 04/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Trà Vinh kết luận: 36 điện thoại di động, 03 máy tính bảng của Trương Thế Huỳnh T tại thời điểm bị chiếm đoạt giá trị 75.950.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT -VKSCL, ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Phạm Văn Đ và Phạm Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn Đ và Phạm Văn M hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C, và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

- Vào khoảng 02 giờ, ngày 01 tháng 6 năm 2017, tại cửa hàng điện thoại di động “T D” tọa lạc khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, Phạm Văn Đ và Phạm Văn M lấy trộm của ông Trương Thế Huỳnh T: 36 điện thoại di động, 03 máy tính bảng, 480 thẻ cào điện thoại và tiền Việt Nam 5.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 96.650.000 đồng.

- Vào khoảng 01 giờ, ngày 03/9/2017 tại nhà bà Huỳnh Thị H tọa lạc khóm 01, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Phạm Văn Đ và Phạm Văn M lấy trộm của bà Huỳnh Thị H 400.000.000 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cà Mau Long: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 03 Điều 138; điểm o, p khoản 01, khoản 02 Điều 46, điểm g khoản 01 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ mức án tù 12 năm đến 13 năm tù. Xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 09 năm đến 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ. Ngoài ra vị còn đề nghị bồi thường về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các loại án phí theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Văn Đ và bị cáo Phạm Văn M xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người bị hại và những người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với bản kết luận định giá tài sản số 36/KL.ĐGTS ngày 04/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, biên bản khám nghiệm hiện trường và biên bản thực hiện điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Lời nhận tội của bị cáo Phạm Văn Đ và bị cáo Phạm Văn M tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do cơ quan Điều tra Công an huyện C thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn Đ và bị cáo Phạm Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, tiền bạc, xe mô tô...là do quá trình cực lực lao động một nắng, hai sương tích lũy mới có được. Các bị cáo là những người có điều kiện để lao động sản xuất tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình, nhưng các bị cáo không lo chí thú làm ăn, lười biếng lao động vì mục đích tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác.

Mặt dù là đồng phạm giản đơn, nhưng cần xem xét từng hành vi và vai trò phạm tội của từng bị cáo để quyết định hình phạt đúng với quy định của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Văn Đ là người giữ vai trò chính trong vụ án, là người khởi sự, rủ rê và là người trực tiếp chọn địa điểm, thực hiện trộm cắp và chia tài sản sau khi trộm cắp bán được. Bị cáo đã cùng bị cáo Phạm Văn M thực hiện 02 lần trộm cắp, mỗi lần trộm cắp đều đủ định lượng, tổng số tài sản trị giá 496.650.000 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng),

đây là tình tiết định khung hình phạt và tăng nặng hình phạt. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Vào năm 1986 trộm cắp tài sản bị Công an tỉnh Bến Tre đưa đi lao động 02 năm; Năm 1988 bị Ủy ban nhân dân huyện M đưa đi lao động 06 tháng về hành vi cố ý gây thương tích; Năm 1989 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 18 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản; Năm 1992 bị Ủy ban nhân dân huyện M đưa đi lao động 06 tháng về hành vi cố ý gây thương tích; Năm 1994 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 12 tháng tù về hành vi cố ý gây thương tích; Năm 1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 10 năm tù về hành vi trộm cắp tài sản và năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về hành vi trộm cắp tài sản. Thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật và thuộc thành phần khó cải tạo, cần phải xử phạt nghiêm.

Đối với bị cáo Phạm Văn M là người giúp sức, khi được bị cáo Phạm Văn Đ điện rủ thực hiện trộm tài sản thì bị cáo là người chuẩn bị công cụ và dùng phương tiện chở bị cáo Phạm Văn Đ đi và về khi thực hiện hành vi. Bản thân bị cáo từng có nhân thân xấu, vào ngày 18 tháng 11 năm 1982 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 09 năm tù tội Cướp tài sản và tàng trữ trái phép chất ma túy, sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử tội lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt phải chấp hành là 20 năm tù, được miễn chấp hành phạt từ ngày 02 tháng 01 năm 2009.

Đáng lý ra sau khi chấp hành hình phạt trở về địa phương các bị cáo phải biết ăn năn sửa chữa lỗi lầm, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật để trở thành công dân có ích cho đất nước, nhưng các bị cáo bất chấp vẫn cố tình phạm tội.

[3]. Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được điều đó. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ bản chất tham lam, tự lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng không bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội, tài sản chiếm đoạt có tổng trị giá 496.650.000 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[4]. Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C nói riêng và tỉnh Trà Vinh nói chung thời gian gần đây xảy ra nhiều, gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tự thú, bị cáo Phạm Văn Đ có ông nội tên Phạm Văn A và bà nội tên Huỳnh Thị X được tặng huân chương độc lập hạng ba, có bác, chú ruột tên Phạm Văn T, Phạm

Văn H và Phạm Văn T là liệt sĩ, mẹ ruột tên Lê Thị K có công với Cách mạng, bà nội tên Huỳnh Thị X là bà mẹ Việt Nam anh hùng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đơn chiếc. Đối với bị cáo Phạm Văn M có cha ruột là ông Phạm Văn G là người có công với Cách mạng, sức khỏe thường bị tăng huyết áp, hiện nay đã 66 tuổi, hoàn cảnh gia đình có khó khăn, đơn chiếc. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, p khoản 01 và khoản 02 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo. Do đó ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

+ Tại phiên tòa hôm nay, những người bị hại bà Huỳnh Thị H, ông Trương Thế Huỳnh T, bà Nguyễn Thúy D và người đại diện cho ông Phạm Anh T là ông Lê Minh N với bị cáo Phạm Văn Đ, bị cáo Phạm Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T, bà Nguyễn Thị P tự nguyện liên đới bồi thường thiệt hại cho những người bị hại; Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 01 (Một) cây dao lưỡi kim loại dài 27,5cm, mũi dao rộng 0,48cm, cán bằng gỗ dài 14 cm, mũi dao bị cong mề; 01 (Một) cây kéo bằng kim loại màu đen dài 23 cm; 01 (Một) cây dao lưỡi kim loại màu đen dài 26 cm, rộng 0,47cm, cán bằng gỗ tròn dài 15 cm; 01 (Một) cây dao lưỡi kim loại màu đen dài 28 cm, rộng 0,58cm, cán gỗ tròn dài 18 cm và 01 (Một) cây dao hai lưỡi dài 22 cm, cán gỗ dài 13 cm. Đây là tài sản cá nhân của bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Anh T giao trả lại cho ông T và bà H.

+ 01 (Một) ổ khóa loại Zsolex; 01 (Một) ổ khóa Italia; 01 (Một) ổ khóa bốn cạnh và lưỡi gà; và 01 (Một) khẩu trang vải màu đỏ có chữ Sunny, không có giá trị sử dụng nghi tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (Một) điện thoại di động màu trắng, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, số thuê bao 01657731867, số IMEI 358805059153288; 01 (Một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara, trọng lượng 01 chỉ, phía mặt trong có chữ “10 Kim Hải 24k 9999”; 01 (Một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara, trọng lượng 02 chỉ, phía mặt trong có chữ “Kim Hải 9999” và tiền Việt Nam 5.700.000 đồng, là tài sản bị cáo Phạm Văn Đ và Phạm Văn M lấy của ông Phạm Anh T và bà Huỳnh Thị H mua có được, tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án trách nhiệm dân sự cho ông T và bà H.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nkia 105, màu đen, loại bàn phím, số serial 353687074177400, bên trong máy có gắn 01 sim Viettel, số thuê bao 01666807623, máy đã qua sử dụng là tang vật dùng để liên hệ thực hiện phạm tội, tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

+ 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 52KB - 3015, nhãn hiệu wave màu đỏ, không bung chắn gió, có 01 kính chiếu hậu bên trái, xe đã qua sử dụng bị trầy xước nhiều nơi. Số khung: VHMDCB 023HM015901, số máy: VHMCT 5001690, cơ quan điều tra chưa tìm được chủ sở hữu, nên chưa có căn cứ vững chắc để Hội

đồng xét xử xử lý, giao cho cơ quan công an huyện C làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí:

Buộc bị cáo Phạm Văn Đ và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Phạm Văn M được miễn án phí theo quy định do trên 60 tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 03 Điều 138, điểm o, p khoản 01, khoản 02 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 26/10/2017.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn M (tên gọi khác Vũ Dương K) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 03 Điều 138, điểm o, p khoản 01, khoản 02 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 26/10/2017.

- **Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 588, 589 và khoản 02 Điều 357 Bộ luật dân sự

+ Buộc bị cáo Phạm Văn Đ và bị cáo Phạm Văn M liên đới bồi thường cho ông Trương Thế Huỳnh T và bà Nguyễn Thúy D số tiền 96.650.000 đồng (Chín mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Buộc bị cáo Phạm Văn Đ và bị cáo Phạm Văn M liên đới bồi thường cho bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Anh T số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) này người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T liên đới cùng với bị cáo Phạm Văn M bồi thường 66.960.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu, chín trăm sáu chục ngàn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi chậm trả, theo quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Giao trả cho bà Huỳnh Thị H và ông Phạm Anh T: 01 (Một) cây dao lưỡi kim loại dài 27,5cm, mũi dao rộng 0,48cm, cán bằng gỗ dài 14 cm, mũi dao bị cong mề; 01 (Một) cây kéo bằng kim loại màu đen dài 23 cm; 01 (Một) cây dao

lưỡi kim loại màu đen dài 26 cm, rộng 0,47cm, cán bằng gỗ tròn dài 15 cm; 01 (Một) cây dao lưỡi kim loại màu đen dài 28 cm, rộng 0,58cm, cán gỗ tròn dài 18 cm và 01 (Một) cây dao hai lưỡi dài 22 cm, cán gỗ dài 13 cm.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) ổ khóa loại Zsolex; 01 (Một) ổ khóa Italya; 01 (Một) ổ khóa bốn cạnh và lưỡi gà; và 01 (Một) khẩu trang vải màu đỏ có chữ Sunny.

+ Tiếp tục quản lý: 01 (Một) điện thoại di động màu trắng, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, số thuê bao 01657731867, số IMEL 358805059153288; 01 (Một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara, trọng lượng 01 chỉ, phía mặt trong có chữ “10 Kim Hải 24k 9999”; 01 (Một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara, trọng lượng 02 chỉ, phía mặt trong có chữ “Kim Hải 9999” và tiền Việt Nam 5.700.000 đồng, để bảo đảm thi hành án trách nhiệm dân sự đối với số tiền bồi thường cho ông Phạm Anh T và bà Huỳnh Thị H.

+ Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nkia 105, màu đen, loại bàn phím, số serial 353687074177400, bên trong máy có gắn 01 sim Viettel, số thuê bao 01666807623, máy đã qua sử dụng.

+ Giao Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh: 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 52KB - 3015, nhãn hiệu wave màu đỏ, không búng chắn gió, có 01 kính chiếu hậu bên trái, xe đã qua sử dụng bị trầy xước nhiều nơi. Số khung: VHMDCB 023HM015901, số máy: VHMCT 5001690 tiếp tục làm rõ xử lý theo thẩm quyền của quy định pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 12.416.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Văn M được miễn Toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Cao Thị T phải nộp 1.674.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo, những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Ngài Thạch Thanh Long

Nguyễn Văn Mến

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trai Nguyễn Chí Luyện

Nguyễn Văn Mến

